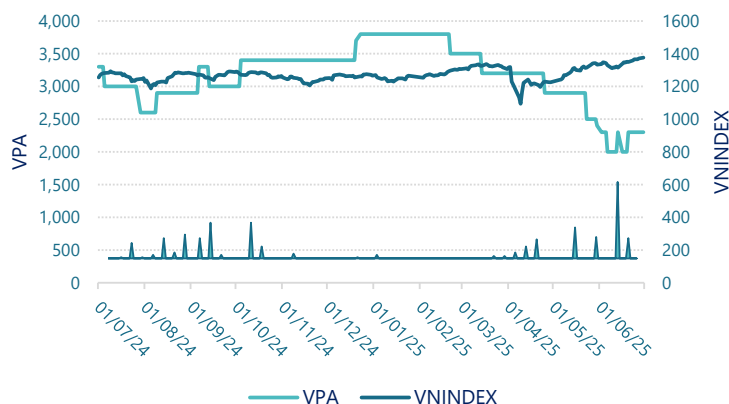


CTCP Vận Tải Hóa Dầu VP (UPCOM: VPA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
SL cổ phiếu LH	15,076,177
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
P/E	-1.0
EPS	-2,374

DT thuần

Q2/25

33.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30 | 1.0%

YoY: ▲ 6.80 | 25.8%

LN sau thuế

Q2/25

-10.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.52 | -71.3%

YoY: ▲ 5.00 | 31.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-22.3%

+/- YoY: ▲ 25.7%

DT thuần

6T 2025

66.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.9 | 28.9%

LN sau thuế

6T 2025

-17.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.4 | 45.3%

ROE

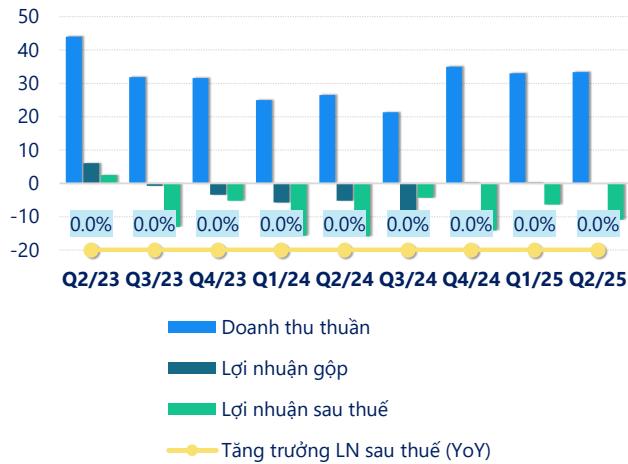
Q2/25

59.3%

+/- YoY: ▼ 236%

tỷ VNĐ

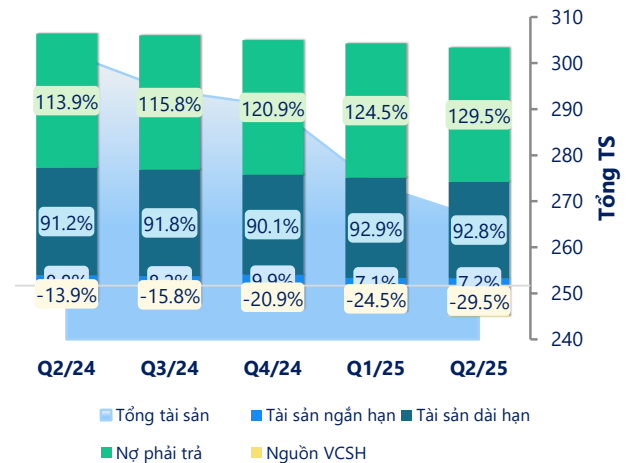
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

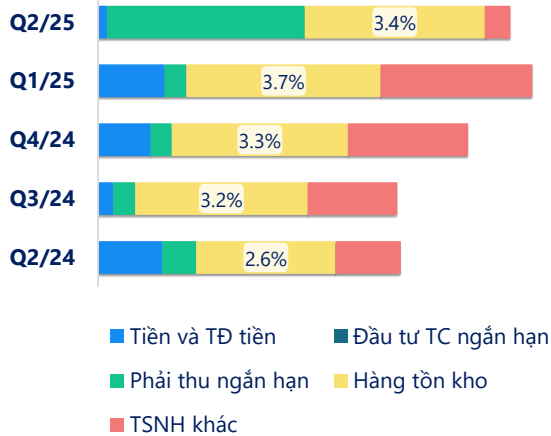
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



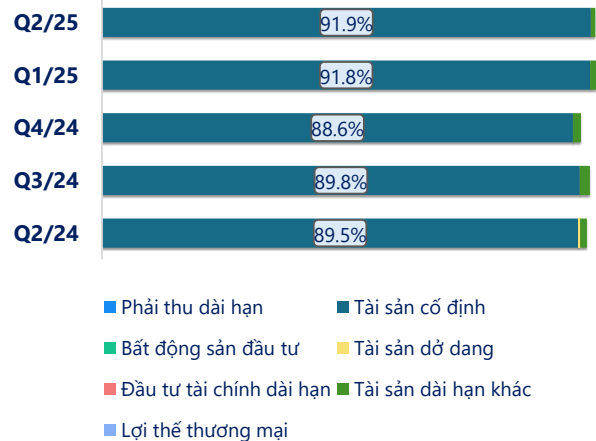
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

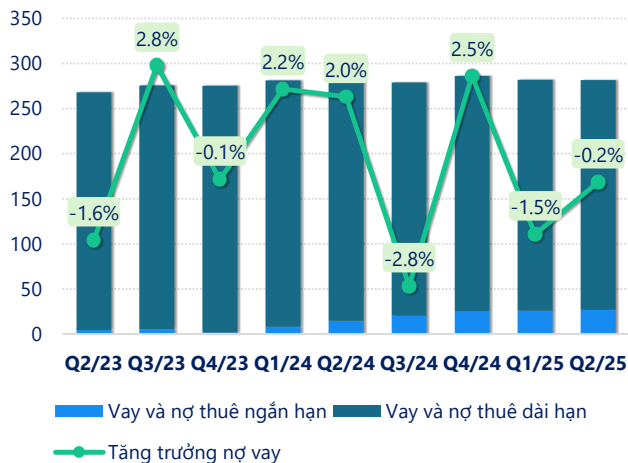
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

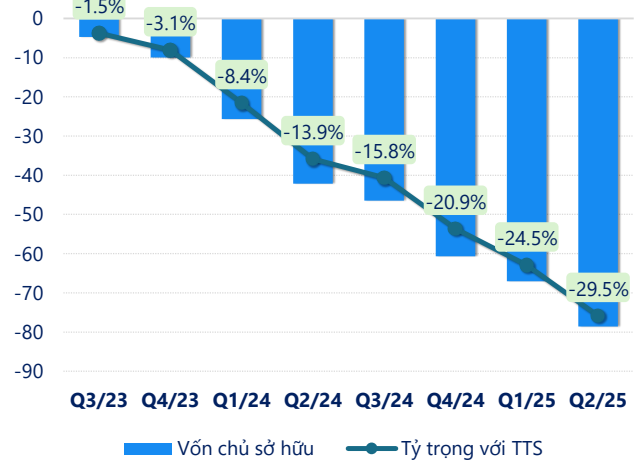
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

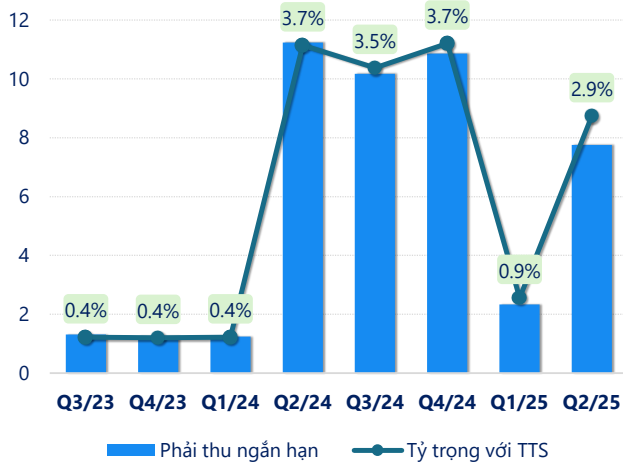
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



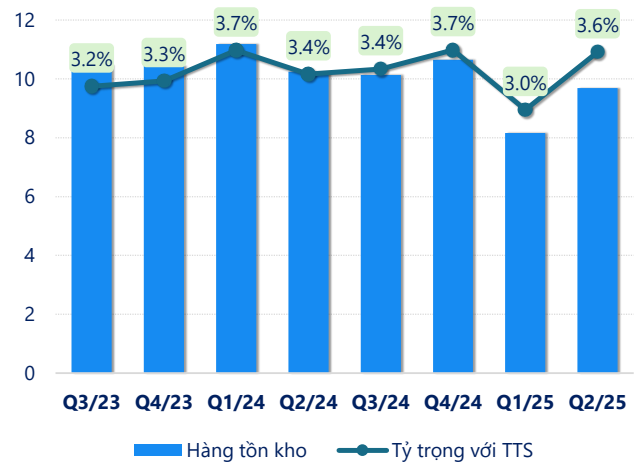
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


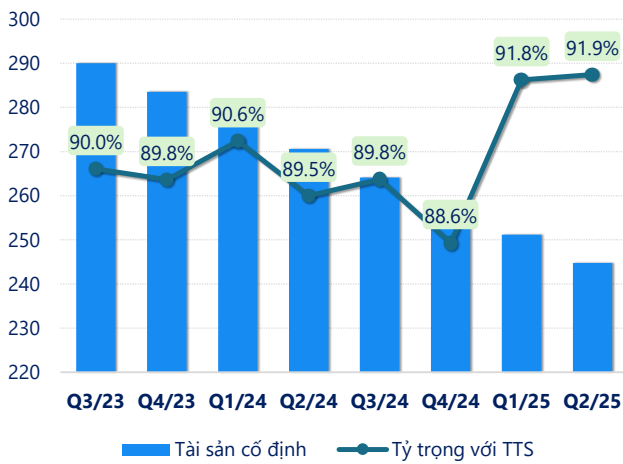
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


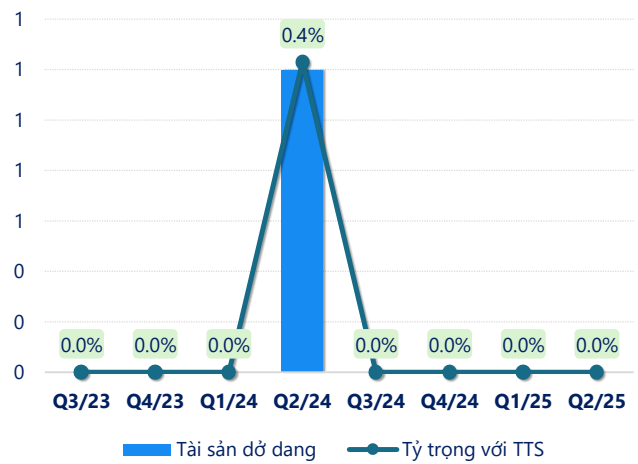
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

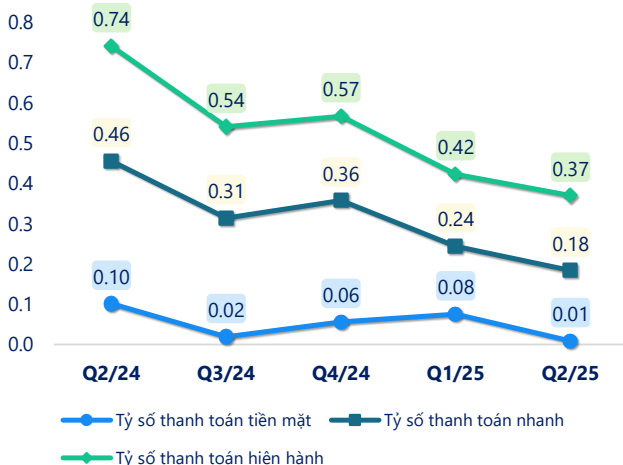
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

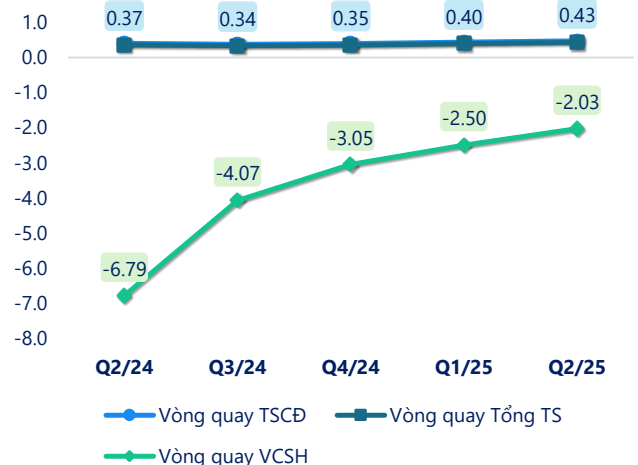
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	302	294	291	274	266
Tài sản ngắn hạn	26.6	24.2	28.8	19.3	19.3
Tiền và tương đương tiền	3.64	0.85	2.87	3.43	0.45
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	11.2	10.2	10.9	2.34	7.76
Hàng tồn kho	10.2	10.1	10.6	8.16	9.68
Tài sản ngắn hạn khác	1.46	3.04	4.44	5.37	1.36
Tài sản dài hạn	276	270	262	254	247
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	271	264	258	251	245
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.20	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.90	5.65	4.36	3.08	2.23
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	345	341	351	341	345
Nợ ngắn hạn	35.8	44.7	50.8	45.6	52.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.5	20.1	25.6	25.8	26.8
Phải trả người bán ngắn hạn	11.6	16.8	12.7	11.6	13.4
Nợ dài hạn	309	296	301	295	293
Vay và nợ thuê dài hạn	273	259	261	256	255
Nguồn vốn chủ sở hữu	-42.2	-46.5	-60.6	-67.0	-78.6
Vốn chủ sở hữu	-42.2	-46.5	-60.6	-67.0	-78.6
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)